

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 677/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Ông Cung Hoàng T, sinh năm 1968; địa chỉ: Đường P, tổ N, khu phố T, phường M, quận B, Tp. HCM.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường P, tổ N, khu phố T, phường M, quận B, Tp. HCM.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/01/2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/01/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Ông Cung Hoàng T, sinh năm 1968; địa chỉ: Đường P, tổ N, khu phố T, phường M, quận B, Tp. HCM.

- Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường P, tổ N, khu phố T, phường M, quận B, Tp. HCM.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Cung Hoàng T và Nguyễn Thị Xuân M thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 71, Quyền số 01/2013 ngày 18/7/2013 do UBND phường M, quận B, Tp. HCM cấp – bản chính đã bị thất lạc).

2.2 *Về quan hệ con chung*: Ông Cung Hoàng T và Nguyễn Thị Xuân M có 01 (một) người con chung, họ tên là Cung Hoàng K, sinh ngày 04/5/2015.

Giao trẻ Cung Hoàng K cho bà Nguyễn Thị Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Cung Hoàng T cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 02/2018, cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Cung Hoàng T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Cung Hoàng T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Cung Hoàng T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 *Về tài sản chung*: Ông Cung Hoàng T và Nguyễn Thị Xuân M không có tài sản chung

2.4 *Về nợ chung*: Ông Cung Hoàng T và Nguyễn Thị Xuân M không có nợ chung.

2.5 *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Cung Hoàng T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0024532 ngày 01/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự quận B, Tp. HCM. Vậy ông Cung Hoàng T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND phường M, quận B;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong